

Số: 847 /BVĐHYD-KHĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Lãnh đạo Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo
Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế cấp: 242/BYT-GPHĐ
ngày 23/01/2014 (cấp lần đầu), 242/BYT-GPHĐ ngày 19/03/2019 (cấp lại).

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Hoàng Bắc

Điện thoại liên hệ: (028) 38554269; Email: bvdhyd@umc.edu.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)*
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *(danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 3)*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (J06-124-tpan) (5).



Nguyễn Hoàng Bắc



**CÁC NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH
VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM**

*(đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe, số: 847/BVĐHYD-KHĐT, ngày 06 /4/2023)*

TT	Mã đào tạo	Chuyên ngành	Trình độ	Trường
1	9720301	Điều dưỡng	Tiến sĩ	Đại học Y Dược TPHCM



u.

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

(đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe
số: 847/BVĐHYD-KHĐT, ngày 06/4/2023)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	9720301	Tiến sĩ	Điều dưỡng	(1) Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao	<ul style="list-style-type: none">- Thực hành chăm sóc người bệnh chuyên khoa nội - ngoại. Nhận định, lập kế hoạch, can thiệp và lượng giá.- Nhận định và đánh giá mô hình quản lý chăm sóc tại nơi thực hành.- Nhận định và đánh giá môi trường chăm sóc tại nơi thực hành.- Báo cáo tuần 1 (Kế hoạch thực hành giảng dạy - mục tiêu thực	Khoa Ngoại Tiêu hóa	1	5	82	246	0	5



TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					<p>hành lâm sàng theo tuần).</p> <p>- Báo cáo tuần 2 (Thực hiện dự án giảng dạy, mục tiêu thực hành lâm sàng theo tuần).</p> <p>- Báo cáo kết quả dự án can thiệp - Báo cáo tổng kết môn học.</p>							
				(2) Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người bệnh người lớn nội – ngoại khoa	- Xây dựng chiến lược can thiệp giải quyết một vấn đề chăm sóc cụ thể trên người bệnh hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh.	Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	1	5	74	222	0	5
				(3) Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người cao tuổi	- Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.	Khoa Nội Tim mạch	1	5	37	111	0	5
						Khoa Tim mạch can thiệp	1	5	35	105	0	5
				(4) Tiếp cận các vấn đề sức khỏe chăm sóc giảm nhẹ	- Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc giảm nhẹ. - Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực hành chăm sóc giảm	Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	1	5	30	90	0	5

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					nhẹ trong bối cảnh Việt Nam. - Áp dụng học thuyết trong nghiên cứu giảm nhẹ. - Phối hợp liên ngành trong nghiên cứu chăm sóc giảm nhẹ.							
				(5) Tiếp cận các vấn đề sức khỏe gây mê hồi sức	- Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc người bệnh gây mê /hồi sức tích cực.	Khoa Hồi sức tích cực	1	5	32	96	0	5
						Khoa Gây mê – Hồi sức	1	5	60	180	0	5
				(6) Tiếp cận các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ em	- Các khía cạnh lâm sàng của sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh. - Thảo luận và đánh giá các tài liệu nghiên cứu về sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và sinh sản. - Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc bà mẹ, trẻ em.	Khoa Phụ sản	1	5	47	141	0	5

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe
số: 847/BVĐHYD-KHĐT, ngày 06/4/2023)

1. Sau Đại học / Tiến sĩ / Điều dưỡng / Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người bệnh người lớn nội – ngoại khoa, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người cao tuổi, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe chăm sóc giảm nhẹ, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe gây mê hồi sức, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Trần Thiện Trung	Giáo sư Tiến sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	001552/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng quát	37	Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao	<ul style="list-style-type: none">- Thực hành chăm sóc người bệnh chuyên khoa nội - ngoại. Nhận định, lập kế hoạch, can thiệp và lượng giá.- Nhận định và đánh giá mô hình quản lý chăm sóc tại nơi thực hành.- Nhận định và đánh giá môi trường chăm sóc tại nơi thực hành.- Báo cáo tuần 1 (Kế hoạch thực hành giảng dạy	Khoa Ngoại Tiêu hóa	82

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
								<ul style="list-style-type: none"> - mục tiêu thực hành lâm sàng theo tuần). - Báo cáo tuần 2 (Thực hiện dự án giảng dạy, mục tiêu thực hành lâm sàng theo tuần). - Báo cáo kết quả dự án can thiệp - Báo cáo tổng kết môn học. 		
							Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người bệnh người lớn nội – ngoại khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược can thiệp giải quyết một vấn đề chăm sóc cụ thể trên người bệnh hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh. 	Khoa Ngoại Gan-Mật-Tụy	74
2.	Thân Hà Ngọc Thê	Tiến sĩ Bác sĩ	Lão khoa	001443/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	32	Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người cao tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. 	Khoa Nội Tim mạch	37
							Tiếp cận các vấn đề sức khỏe chăm sóc giảm nhẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc giảm nhẹ. - Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực hành chăm sóc giảm nhẹ trong bối cảnh Việt Nam. - Áp dụng học thuyết trong nghiên cứu giảm nhẹ. 	Khoa Lão – Chăm sóc giảm nhẹ	35
										30

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
								- Phối hợp liên ngành trong nghiên cứu chăm sóc giảm nhẹ.		
3.	Nguyễn Văn Chính	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Gây mê hồi sức	008730/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	14	Tiếp cận các vấn đề sức khỏe gây mê hồi sức	- Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc người bệnh gây mê/hồi sức tích cực.	Khoa Hồi sức tích cực Khoa Gây mê – Hồi sức	32 60
4.	Nguyễn Thị Nhẫn	Tiến sĩ	Điều dưỡng	0024808/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	13	Tiếp cận các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ em	- Các khía cạnh lâm sàng của sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh. - Thảo luận và đánh giá các tài liệu nghiên cứu về sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và sinh sản. - Thực hành dựa trên chứng cứ trong chăm sóc bà mẹ, trẻ em.	Khoa Phụ sản	47



Handwritten signature

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(đính kèm Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe số: 847/BVĐHYD-KHĐT, ngày 06/4/2023)

1. Sau Đại học / Tiến sĩ / Điều dưỡng / Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người bệnh người lớn nội – ngoại khoa, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe người cao tuổi, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe chăm sóc giảm nhẹ, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe gây mê hồi sức, Tiếp cận các vấn đề sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1.	Giảng đường	1	K. Lão-CSGN
2.	Máy vi tính cố định	1	K. Lão-CSGN
3.	Máy chiếu	1	K. Lão-CSGN
4.	Màn chiếu	1	K. Lão-CSGN
5.	Giường bệnh	30	K. Lão-CSGN
6.	Bộ đèn đặt nội khí quản	1	K. Lão-CSGN
7.	Cân sức khỏe	1	K. Lão-CSGN
8.	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	1	K. Lão-CSGN
9.	Đèn đọc phim X quang	1	K. Lão-CSGN
10.	Đèn sưởi	1	K. Lão-CSGN
11.	Máy bơm tiêm điện	3	K. Lão-CSGN
12.	Máy đo điện tim 3 cần	1	K. Lão-CSGN
13.	Máy đo huyết áp cơ	2	K. Lão-CSGN
14.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Lão-CSGN
15.	Máy đo SpO2	4	K. Lão-CSGN
16.	Máy hút đàm	1	K. Lão-CSGN
17.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	2	K. Lão-CSGN
18.	Máy phun khí dung	4	K. Lão-CSGN
19.	Máy thử đường huyết	2	K. Lão-CSGN
20.	Máy truyền dịch Infusomat	1	K. Lão-CSGN
21.	Thiết bị nệm chống loét Seabird	4	K. Lão-CSGN
22.	Xe tiêm	5	K. Lão-CSGN
23.	Phòng giao ban	1	K. Hồi sức tích cực
24.	Máy vi tính cố định	1	K. Hồi sức tích cực



Me

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
25.	Máy chiếu	1	K. Hồi sức tích cực
26.	Màn chiếu	1	K. Hồi sức tích cực
27.	Giường bệnh	32	K. Hồi sức tích cực
28.	Hệ thống máy giúp thở di động cao cấp	1	K. Hồi sức tích cực
29.	Máy bơm thức ăn tự động	5	K. Hồi sức tích cực
30.	Máy bơm tiêm điện	38	K. Hồi sức tích cực
31.	Máy đo điện tim 3 cần	3	K. Hồi sức tích cực
32.	Máy đo SpO2	5	K. Hồi sức tích cực
33.	Máy giúp thở chức năng cao	2	K. Hồi sức tích cực
34.	Máy giúp thở không xâm lấn	1	K. Hồi sức tích cực
35.	Máy giúp thở xâm lấn và không xâm lấn trong hồi sức	2	K. Hồi sức tích cực
36.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	7	K. Hồi sức tích cực
37.	Máy lọc máu liên tục	1	K. Hồi sức tích cực
38.	Máy phun khí dung	22	K. Hồi sức tích cực
39.	Máy sốc tim	2	K. Hồi sức tích cực
40.	Máy theo dõi huyết động ADWARDS	1	K. Hồi sức tích cực
41.	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập dùng khí nén trung tâm	24	K. Hồi sức tích cực
42.	Máy thử đường huyết	4	K. Hồi sức tích cực
43.	Máy thử keton	1	K. Hồi sức tích cực
44.	Máy truyền dịch Infusomat	9	K. Hồi sức tích cực
45.	Monitor theo dõi bệnh nhân	39	K. Hồi sức tích cực
46.	Xe đẩy cấp cứu	1	K. Hồi sức tích cực
47.	Xe tiêm thuốc	9	K. Hồi sức tích cực
48.	Phòng giao ban	1	K. Gây mê-Hồi sức
49.	Máy vi tính cố định	1	K. Gây mê-Hồi sức
50.	Màn chiếu	1	K. Gây mê-Hồi sức
51.	Máy chiếu	1	K. Gây mê-Hồi sức
52.	Bàn mổ	10	K. Gây mê-Hồi sức
53.	Hệ thống máy gây mê	5	K. Gây mê-Hồi sức
54.	Hệ thống gây mê giúp thở có monitor theo dõi	4	K. Gây mê-Hồi sức
55.	Máy gây mê kèm giúp thở (người lớn/trẻ em)	8	K. Gây mê-Hồi sức
56.	Máy theo dõi độ sâu gây mê (Bis monitor) - theo dõi 2 bán cầu não	1	K. Gây mê-Hồi sức
57.	Máy đo SpO2	3	K. Gây mê-Hồi sức
58.	Máy bơm tiêm điện	13	K. Gây mê-Hồi sức
59.	Máy đo điện tim	1	K. Gây mê-Hồi sức
60.	Máy giúp thở	1	K. Gây mê-Hồi sức
61.	Monitor theo dõi bệnh nhân	30	K. Gây mê-Hồi sức

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
62.	Phòng giao ban	1	K. Ngoại GMT
63.	Màn chiếu	1	K. Ngoại GMT
64.	Máy chiếu	1	K. Ngoại GMT
65.	Bàn thụt tháo inox	2	K. Ngoại GMT
66.	Băng ca inox	2	K. Ngoại GMT
67.	Cân sức khỏe	2	K. Ngoại GMT
68.	Cân sức khỏe có thước đo	1	K. Ngoại GMT
69.	Cây dịch truyền inox	2	K. Ngoại GMT
70.	Cây truyền dịch di động (có bộ đỡ)	16	K. Ngoại GMT
71.	Đèn đọc phim	6	K. Ngoại GMT
72.	Đèn gù/ đèn tiểu phẫu	1	K. Ngoại GMT
73.	Đèn sưởi	2	K. Ngoại GMT
74.	Giường 1 tay quay	6	K. Ngoại GMT
75.	Giường 3 tay quay	14	K. Ngoại GMT
76.	Giường bệnh 1 tay quay	21	K. Ngoại GMT
77.	Giường hồi sức điều khiển điện	33	K. Ngoại GMT
78.	Giường thụt tháo inox	2	K. Ngoại GMT
79.	Khung tập đi	2	K. Ngoại GMT
80.	Máy bơm tiêm Braun	10	K. Ngoại GMT
81.	Máy đếm giọt	1	K. Ngoại GMT
82.	Máy đo điện tim loại 3 kênh	2	K. Ngoại GMT
83.	Máy đo huyết áp cơ	11	K. Ngoại GMT
84.	Máy đo huyết áp điện tử	6	K. Ngoại GMT
85.	Máy đo SpO2	5	K. Ngoại GMT
86.	Máy hút đàm TQ	2	K. Ngoại GMT
87.	Máy phun khí dung	1	K. Ngoại GMT
88.	Máy phun khí dung cho đường thở dưới và phụ kiện kèm theo	1	K. Ngoại GMT
89.	Máy thử đường huyết	8	K. Ngoại GMT
90.	Máy ủ ấm dây truyền máu (máy làm ấm máu)	2	K. Ngoại GMT
91.	Máy vi tính cố định	1	K. Ngoại GMT
92.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	4	K. Ngoại GMT
93.	Nhiệt ẩm kế	4	K. Ngoại GMT
94.	Nhiệt kế điện tử	12	K. Ngoại GMT
95.	Nhiệt kế thủy ngân	3	K. Ngoại GMT
96.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. Ngoại GMT
97.	Xe lăn tay + cây dịch truyền	6	K. Ngoại GMT
98.	Xe tiêm inox 600x700x800	1	K. Ngoại GMT
99.	Phòng giao ban	1	K. Ngoại Tiêu hóa

Y TẾ
H VIỆN
C Y DƯỢC
HỒ CHÍ MINH
QUỐC TẾ

Ưa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
100.	Màn chiếu	1	K. Ngoại Tiêu hóa
101.	Máy chiếu	1	K. Ngoại Tiêu hóa
102.	Máy vi tính cố định	1	K. Ngoại Tiêu hóa
103.	Ấm kê	2	K. Ngoại Tiêu hóa
104.	Băng ca	2	K. Ngoại Tiêu hóa
105.	Cân điện tử	2	K. Ngoại Tiêu hóa
106.	Cây dịch truyền (loại có bộ đỡ)	20	K. Ngoại Tiêu hóa
107.	Đèn đọc phim loại 2 phim	5	K. Ngoại Tiêu hóa
108.	Đèn soi đáy mắt	1	K. Ngoại Tiêu hóa
109.	Đèn sưởi	2	K. Ngoại Tiêu hóa
110.	Đèn tiểu phẫu	1	K. Ngoại Tiêu hóa
111.	Giường 3 tay quay	1	K. Ngoại Tiêu hóa
112.	Giường bệnh 1 tay quay	47	K. Ngoại Tiêu hóa
113.	Giường bệnh 2 tay quay	19	K. Ngoại Tiêu hóa
114.	Giường bệnh hồi sức điều khiển điện	6	K. Ngoại Tiêu hóa
115.	Giường inox thụt tháo	2	K. Ngoại Tiêu hóa
116.	Máy bơm tiêm điện	7	K. Ngoại Tiêu hóa
117.	Máy đếm giọt	1	K. Ngoại Tiêu hóa
118.	Máy đo điện tim loại 3 cần	1	K. Ngoại Tiêu hóa
119.	Máy đo đường huyết	5	K. Ngoại Tiêu hóa
120.	Máy đo huyết áp điện tử	2	K. Ngoại Tiêu hóa
121.	Máy đo huyết áp người lớn	5	K. Ngoại Tiêu hóa
122.	Máy đo SpO2	4	K. Ngoại Tiêu hóa
123.	Máy làm ấm máu	1	K. Ngoại Tiêu hóa
124.	Máy phun khí dung	2	K. Ngoại Tiêu hóa
125.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. Ngoại Tiêu hóa
126.	Nhiệt kế điện tử	6	K. Ngoại Tiêu hóa
127.	Nhiệt kế tủ lạnh	1	K. Ngoại Tiêu hóa
128.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. Ngoại Tiêu hóa
129.	Xe đẩy đồ vải	1	K. Ngoại Tiêu hóa
130.	Xe lăn tay + cây dịch truyền	4	K. Ngoại Tiêu hóa
131.	Xe tiêm inox 40x60x80	2	K. Ngoại Tiêu hóa
132.	Xe tiêm thuốc	8	K. Ngoại Tiêu hóa
133.	Phòng giao ban	1	K. Nội Tim mạch
134.	Màn chiếu	1	K. Nội Tim mạch
135.	Máy chiếu	1	K. Nội Tim mạch
136.	Máy vi tính cố định	1	K. Nội Tim mạch
137.	Ấm kê	3	K. Nội Tim mạch
138.	Băng ca	2	K. Nội Tim mạch

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
139.	Bộ đèn đặt nội khí quản	2	K. Nội Tim mạch
140.	Cân có thước đo	1	K. Nội Tim mạch
141.	Cân sức khỏe	2	K. Nội Tim mạch
142.	Cây dịch truyền (loại có bộ đỡ)	2	K. Nội Tim mạch
143.	Đèn đọc phim X quang	3	K. Nội Tim mạch
144.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. Nội Tim mạch
145.	Giường bệnh 1 tay quay	34	K. Nội Tim mạch
146.	Giường điều khiển điện	3	K. Nội Tim mạch
147.	Huyết áp cơ	8	K. Nội Tim mạch
148.	Huyết áp cơ trẻ em	1	K. Nội Tim mạch
149.	Khung tập đi	1	K. Nội Tim mạch
150.	Máy bơm tiêm điện	5	K. Nội Tim mạch
151.	Máy bơm tiêm điện Bbraun	5	K. Nội Tim mạch
152.	Máy đo điện tim 3/6 cần	1	K. Nội Tim mạch
153.	Máy đo điện tim gắng sức	1	K. Nội Tim mạch
154.	Máy đo SpO2	4	K. Nội Tim mạch
155.	Máy hút đàm	1	K. Nội Tim mạch
156.	Máy phun khí dung	5	K. Nội Tim mạch
157.	Máy siêu âm màu doppler tim mạch 3 đầu dò GE VIVID T8 (máy siêu âm doppler màu chuyên tim gắng sức)	1	K. Nội Tim mạch
158.	Máy sốc điện	1	K. Nội Tim mạch
159.	Máy theo dõi điện tim 24 giờ (Holter ECG)	1	K. Nội Tim mạch
160.	Máy theo dõi huyết áp 24h	3	K. Nội Tim mạch
161.	Máy thử đường huyết Roche	1	K. Nội Tim mạch
162.	Máy thử INR	1	K. Nội Tim mạch
163.	Máy thu nhận tín hiệu điện tim 24h	9	K. Nội Tim mạch
164.	Máy ủ ấm dây truyền (máy làm ấm máu)	1	K. Nội Tim mạch
165.	Monitor theo dõi bệnh nhân	4	K. Nội Tim mạch
166.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. Nội Tim mạch
167.	Nhiệt kế điện tử	10	K. Nội Tim mạch
168.	Nhiệt kế tủ lạnh	1	K. Nội Tim mạch
169.	Thiết bị nệm chống loét	2	K. Nội Tim mạch
170.	Thiết bị nệm chống loét Seabird	2	K. Nội Tim mạch
171.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. Nội Tim mạch
172.	Xe inox	1	K. Nội Tim mạch
173.	Xe lăn inox size 18", cây truyền dịch	2	K. Nội Tim mạch
174.	Xe tiêm thuốc	7	K. Nội Tim mạch
175.	Phòng giao ban	1	K. TMCT

Handwritten signature

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
176.	Màn chiếu	1	K. TMCT
177.	Máy chiếu	1	K. TMCT
178.	Máy vi tính cố định	1	K. TMCT
179.	Ấm kế	4	K. TMCT
180.	Băng ca	1	K. TMCT
181.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO ₂ (EtCO ₂)	1	K. TMCT
182.	Cân sức khỏe	3	K. TMCT
183.	Cây dịch truyền (loại có bộ đỡ)	3	K. TMCT
184.	Đèn đọc phim X quang công nghệ LED loại 1 phim	1	K. TMCT
185.	Đèn sưởi hồng ngoại	1	K. TMCT
186.	Giường bệnh 1 tay quay	26	K. TMCT
187.	Giường hồi sức điều khiển điện	9	K. TMCT
188.	Huyết áp cơ	5	K. TMCT
189.	Huyết áp cơ trẻ em	1	K. TMCT
190.	Khung tập đi	1	K. TMCT
191.	Máy bơm tiêm điện	5	K. TMCT
192.	Máy bơm tiêm điện Bbraun	5	K. TMCT
193.	Máy đếm giọt	1	K. TMCT
194.	Máy đo điện tim 03 cần	1	K. TMCT
195.	Máy đo SpO ₂	5	K. TMCT
196.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	1	K. TMCT
197.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	2	K. TMCT
198.	Máy hút đàm	1	K. TMCT
199.	Máy phun khí dung	5	K. TMCT
200.	Máy sốc tim lưỡng pha	1	K. TMCT
201.	Máy thử đông máu Roche (INR)	1	K. TMCT
202.	Máy thử đường huyết Accuchek	2	K. TMCT
203.	Máy ủ ấm dây truyền (máy làm ấm máu)	1	K. TMCT
204.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	K. TMCT
205.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	K. TMCT
206.	Nhiệt kế điện tử	5	K. TMCT
207.	Nhiệt kế tủ lạnh	1	K. TMCT
208.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	1	K. TMCT
209.	Thiết bị nệm chống loét	11	K. TMCT
210.	Xe đẩy cấp cứu	2	K. TMCT
211.	Xe lăn inox size 18", cây truyền dịch	2	K. TMCT
212.	Xe thuốc gây mê loại đẩy 1 mặt	1	K. TMCT
213.	Xe tiêm thuốc	4	K. TMCT
214.	Phòng giao ban	1	K. Phụ sản

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
215.	Màn chiếu	1	K. Phụ sản
216.	Máy chiếu	1	K. Phụ sản
217.	Máy vi tính cố định	1	K. Phụ sản
218.	Bộ dụng cụ bảo mô	1	K. Phụ sản
219.	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	4	K. Phụ sản
220.	Bộ dụng cụ may thẩm mỹ	4	K. Phụ sản
221.	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	15	K. Phụ sản
222.	Bộ dụng cụ nạo	6	K. Phụ sản
223.	Bộ dụng cụ nội soi chẩn đoán buồng tử cung	1	K. Phụ sản
224.	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi sản phụ	3	K. Phụ sản
225.	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản lớn	6	K. Phụ sản
226.	Bộ dụng cụ sanh thường	10	K. Phụ sản
227.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	3	K. Phụ sản
228.	Đèn đặt nội khí quản	3	K. Phụ sản
229.	Đèn đọc phim	2	K. Phụ sản
230.	Đèn sưởi	1	K. Phụ sản
231.	Giường bệnh	47	K. Phụ sản
232.	Huyết áp kế cơ	7	K. Phụ sản
233.	Máy đo điện tim	2	K. Phụ sản
234.	Máy đo huyết áp điện tử	3	K. Phụ sản
235.	Máy đo SpO2	7	K. Phụ sản
236.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	2	K. Phụ sản
237.	Máy phun khí dung	1	K. Phụ sản
238.	Máy sốc tim	1	K. Phụ sản
239.	Máy truyền dịch (Máy đếm giọt)	5	K. Phụ sản
240.	Monitor theo dõi bệnh nhân	7	K. Phụ sản
241.	Monitor theo dõi sản khoa - đơn thai	3	K. Phụ sản
242.	Nhiệt kế điện tử (cặp nách)	2	K. Phụ sản
243.	Xe đẩy tiêm thuốc	15	K. Phụ sản

7/11